

Bản án số: 111/2025/HS-ST

Ngày: 29-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng.

Thẩm phán: Bà Đỗ Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sùng A Xà

Ông Lê Quang Nhuận

Bà Hà Thị Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Huy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Tình, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 105/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. H; Sinh ngày 10 tháng 06 năm 1979 tại: bản N, huyện M, tỉnh Phong - Sa - Lý, nước CHDCND Lào; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Số nhà 10, tổ 01, bản N, huyện M, tỉnh Phong - Sa - Lý, nước CHDCND Lào; nghề nghiệp: nông nghiệp; trình độ văn hóa: Lớp 3; dân tộc: Thái; tôn giáo: không; Quốc tịch: CHDCND Lào; con ông: P, sinh năm 1942; con bà: (đã chết); vợ là: S, sinh năm 1978 và có 4 người con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/01/2025, tạm giam từ ngày 11/01/2025 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam, Công an tỉnh Điện Biên (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo H: ông Trịnh Ngọc M - Luật sư thuộc văn phòng Luật sư A1 (vắng mặt).

2. Lềng Văn N; Sinh ngày 04 tháng 01 năm 1989 tại: Tỉnh Điện Biên; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT và Chỗ ở hiện nay: Bản N, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên (nay là Bản N, xã N, tỉnh Điện Biên); nghề nghiệp: Nông dân; trình độ văn

hóa: 2/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lèng Văn V, Sinh năm 1962; con bà: Thùng Thị H, sinh năm 1964; vợ là: Thùng Thị L, sinh năm 1982 và có 3 người con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/01/2025, tạm giam từ ngày 11/01/2025 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam, Công an tỉnh Điện Biên (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Lèng Văn N: bà Nguyễn Thị P - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (có mặt).

Người phiên dịch: ông Trần Quang Đ, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ X, phường Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết với người tên S từ trước nên vào khoảng hơn 07 giờ ngày 05/01/2025, H sinh năm 1979, trú tại bản N, huyện M, tỉnh Phong-Sa-Lỳ, nước CHDCND Lào đã gặp người đàn ông tên S khoảng 30 tuổi, không biết địa chỉ, tại lán ruộng thuộc bản N, huyện M, tỉnh Phong - Sa - Lỳ, nước CHDCND Lào. Tại đây, H thấy S có mang theo 01 túi vải màu xanh có chứa ma túy. S thuê H mang số ma túy lên biên giới Việt Nam - Lào sang Việt Nam bán cho một người đàn ông người Việt Nam nhà ở huyện T, tên S1. S sẽ trả tiền công cho H 10.000.000 đồng (mười triệu đồng tiền Việt Nam). S đưa số điện thoại của S1 cho H và bảo, S đã trao đổi với S1 rồi, nếu S1 cho lấy tiền mang về thì mang tiền về và mang ma túy sang cho S1. H đồng ý và cùng S mang ma túy đi về phía biên giới Việt Nam - Lào. Trên đường đi, H gọi điện thoại di động cho S1 và hẹn gặp nhau ở biên giới Việt Nam - Lào. Sau đó, H đi qua biên giới Việt Nam - Lào đến đầu bản S, xã Y, huyện N, tỉnh Điện Biên (Nay là bản S, xã N, tỉnh Điện Biên) thì gặp hai người đàn ông, một người giới thiệu tên là S1, còn 01 người không biết tên và địa chỉ. S1 cầm 01 túi nilon màu đỏ đựng tiền đưa cho H kiểm tra và đếm tiền. H đếm tất cả số tiền được 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng tiền Việt Nam), S1 bảo H quay về lấy ma túy mang sang S1 sẽ trả tiền. H quay về khu vực gần biên giới Việt Nam - Lào thuộc địa phận nước Lào gặp S thông báo cho S biết đã xem tiền. S lấy trên vai đang đeo đưa cho H một túi vải màu xanh có chứa ma túy. H cầm túi vải có chứa ma túy đi về hướng bên đất Việt Nam, đi được một đoạn H gặp em rể là Lèng Văn N, sinh năm 1989, trú tại Bản N, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên (nay là Bản N, xã N, tỉnh Điện Biên) cũng đang trên đường đi về Việt Nam. H nói cho Lèng Văn N biết có người đàn ông tên S thuê H mang ma túy từ Lào sang Việt Nam bán, tiền công là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền Việt Nam và rủ N cùng mang ma túy từ Lào sang Việt Nam bán, H sẽ trả tiền công cho N là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), N đồng ý. H và N mang ma túy qua biên giới Việt Nam - Lào đến khu vực đầu bản S, xã Y, huyện N, tỉnh Điện Biên thì gặp S1 và một người đàn ông không biết tên, địa

chỉ đang đứng đợi. H đặt túi vải màu xanh chứa ma túy xuống đất, mở ra lấy 01 bánh ma túy và 01 cục Heroine ra đưa cho S1 kiểm tra. N cũng đứng cạnh và nhìn thấy ma túy. Hồi 13 giờ 15 phút cùng ngày, khi người đàn ông tên là S1 đang kiểm tra ma túy thì bị tổ công tác Phòng phòng chống ma túy và tội phạm, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Điện Biên (nay là Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Điện Biên phối hợp với Đoàn Biên phòng Nà Hỳ và Đoàn Biên phòng Nà Búng phát hiện, bắt quả tang H và Lèng Văn N, thu giữ trong chiếc túi vải màu xanh có 06 bánh ma túy còn nguyên vẹn bên trong mỗi bánh có các túi nilon màu xanh và màu hồng có chứa các viên nén màu hồng, 01 bánh ma túy đã bóc dỡ chứa các túi nilon bên trong có các viên nén màu hồng, trên một mặt của các viên nén đều có chữ “WY” và 02 gói chất bột màu trắng được gói bằng nilon màu xanh; Người đàn ông tên là S1 và một người đàn ông không biết tên, địa chỉ đi cùng S1 lợi dụng sơ hở đã bỏ chạy thoát.

Tại Biên bản mở vật chứng, cân xác định khối lượng, niêm phong vật chứng gửi giám định (BL 59-61) đã xác định: Tổng khối lượng của các viên nén màu hồng là 3.307,9 gam, tổng khối lượng 02 gói chất bột màu trắng là 59,46 gam.

Tại bản Kết luận giám định số: 136/KL-KTHS ngày 05/02/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Vật chứng thu giữ của Thùng Văn H và Lèng Văn N có khối lượng 59,46 gam chất màu trắng; 3.307,9 gam các viên nén màu hồng.

- 02 (hai) mẫu chất bột màu trắng trích ra từ vật chứng thu giữ của Thùng Văn H và Lèng Văn N là chất ma túy: Loại Heroin (Heroine).

- 200 (hai trăm) mẫu các viên nén màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ của Thùng Văn H và Lèng Văn N là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

Tại bản Kết luận giám định số 835 /KL-KTHS ngày 20/8/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên (Giám định bổ sung) kết luận:

- Mẫu vật gửi giám định có khối lượng 50,46 gam chất bột màu trắng là chất ma túy: Loại Heroin (Heroine); khối lượng 3.207,9 gam các viên nén màu hồng là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

Tại bản Cáo trạng số: 56/CT-VKSĐB-P1 ngày 26/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố H, Lèng Văn N về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm h khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Kết luận điều tra và bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo H, Lèng Văn N về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Áp dụng điểm h khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 40 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm

2025 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xử phạt bị cáo H hình phạt Tù hình.

Áp dụng điểm h khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 39 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xử phạt bị cáo Lềng Văn N tù Chung thân.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, c Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ Luật Tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

Tịch thu tiêu hủy: số ma túy còn lại sau giám định là 39,96 gam Heroin và 2.684,21 gam Methamphetamine; 01 túi vải màu xanh, loại có khóa, túi cũ, đã qua sử dụng.

Xét thấy bị cáo H đã sử dụng 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL, màu xanh, loại bàn phím, điện thoại cũ để liên lạc, trao đổi việc vận chuyển ma túy nên cần tịch thu, sung ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu đen, màn hình cảm ứng điện thoại cũ, đã qua sử dụng (thu giữ của bị cáo H); 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG, màu xanh, màn hình cảm ứng, điện thoại cũ, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu VIETTEL, màu đen, loại bàn phím, điện thoại cũ, đã qua sử dụng (thu giữ của bị cáo N) không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lềng Văn N; buộc bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong bản Luận cứ bào chữa, Người bào chữa của bị cáo H nhất trí với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên, đồng thời không có ý kiến khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyên nhân, điều kiện và hoàn cảnh phạm tội của bị cáo H là người nước ngoài, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực cải tạo bản thân, tạo điều kiện cho các Cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Điện Biên sớm kết thúc vụ án, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét cho bị cáo được hưởng đầy đủ chính sách khoan hồng của Đảng, pháp luật nhà nước Việt Nam đối với người phạm tội, nhằm để cải tạo, giáo dục bị cáo, từ đó đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng

hình phạt thấp nhất của khung hình phạt để cải tạo và sửa chữa lỗi lầm. Áp dụng khoản 6 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; áp dụng quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trả lại 01 chiếc điện thoại cho bị cáo.

Người bào chữa của bị cáo Lèng Văn N không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên, đồng thời không có ý kiến khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyên nhân, điều kiện và hoàn cảnh phạm tội của bị cáo Lèng Văn N là dân tộc thiểu số, có 03 con còn nhỏ; Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, để xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng hình phạt thấp nhất của khung hình phạt để cải tạo và sửa chữa lỗi lầm. Áp dụng khoản 6 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; áp dụng quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trả lại 02 chiếc điện thoại di động cho bị cáo và xử lý vật chứng. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 để miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Các bị cáo H, Lèng Văn N nhất trí với nội dung luận tội của Kiểm sát viên, không bổ sung gì lời bào chữa và không có ý kiến tranh luận; thực hiện lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo

Tại phiên tòa, bị cáo H đã khai nhận hành vi phạm tội như sau: H có quen biết với người đàn ông tên S khoảng 30 tuổi, không biết địa chỉ từ trước; khoảng hơn 7 giờ ngày 05/01/2025, H đã gặp người đàn ông tên S tại lán ruộng thuộc bản N, huyện M, tỉnh Phong - Sa - Lý, nước CHDCND Lào. Tại đây, H thấy S có mang theo 01 túi vải màu xanh có chứa ma túy. S thuê H mang số ma túy lên biên giới Việt Nam - Lào sang Việt Nam bán cho một người đàn ông người Việt Nam nhà ở huyện T, tên S1 thì S sẽ trả tiền công cho H 10.000.000 đồng tiền Việt Nam. S đưa số điện thoại của S1 cho H và nói S đã trao đổi với S1 rồi, nêu S1 đưa 110.000.000 đồng tiền Việt Nam thì H mang về cho S và mang ma túy sang cho S1. H đồng ý và

cùng S mang ma túy đi về phía biên giới Việt Nam - Lào. Trên đường đi, H sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL gọi điện cho S1 và hẹn gặp nhau ở biên giới Việt Nam - Lào. Sau đó, H đi qua biên giới Việt Nam - Lào đến đầu bản S, xã Y, huyện N, tỉnh Điện Biên (Nay là bản S, xã N, tỉnh Điện Biên) thì gặp hai người đàn ông, một người giới thiệu tên là S1, còn 01 người không biết tên và địa chỉ. S1 cầm 01 túi nilon màu đỏ đựng tiền đưa cho H kiểm tra và đếm tiền. H đếm tất cả số tiền được 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng tiền Việt Nam), S1 bảo H quay về lấy ma túy mang sang S1 sẽ trả tiền. H quay về khu vực gần biên giới Việt Nam - Lào thuộc địa phận nước Lào gặp S thông báo cho S biết đã xem tiền. S lấy trên vai đang đeo đưa cho H một túi vải màu xanh có chứa ma túy. H cầm túi vải có chứa ma túy đi về hướng bên đất Việt Nam, đi được một đoạn H gặp em rể là Lèng Văn N cũng đang trên đường đi về Việt Nam. H nói cho Lèng Văn N biết có người đàn ông tên S thuê H mang ma túy từ Lào sang Việt Nam bán, tiền công là 10.000.000 đồng tiền Việt Nam và rủ N cùng mang ma túy từ Lào sang Việt Nam bán, H sẽ trả tiền công cho N là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), N đồng ý. H không mở túi ma túy ra cho N xem và H vẫn là người cầm số ma túy sang Việt Nam. Khi cả hai bị cáo đến khu vực đầu bản S, xã Y, huyện N, tỉnh Điện Biên thì gặp S1 và một người đàn ông không biết tên, địa chỉ đang đứng đợi. H đặt túi vải màu xanh chứa ma túy xuống đất, mở ra lấy 01 bánh ma túy Methamphetamine và 01 cục Heroine ra đưa cho S1 kiểm tra. N cũng đứng cạnh và nhìn thấy ma túy. Khi người đàn ông tên là S1 đang kiểm tra ma túy thì bị tổ công tác Phòng phòng chống ma túy và tội phạm, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Điện Biên phối hợp với Đoàn Biên phòng Nà Hỳ và Đoàn Biên phòng Nà Búng phát hiện, bắt quả tang H và N, thu giữ một túi vải màu xanh bên trong có 06 bánh ma túy Methamphetamine; 01 bánh ma túy Methamphetamine đã bóc dở, có tổng khối lượng 3.307,9 gam và 02 gói Heroine được gói bằng nilon màu xanh, có khối lượng 59,46 gam. Tổng khối lượng hai chất ma túy là 3.367,36 gam, người đàn ông tên là S1 và một người đàn ông không biết tên, địa chỉ đi cùng S1 lợi dụng sơ hở đã bỏ chạy.

Bị cáo N công nhận việc bị cáo đồng ý đi ma túy cùng H để được nhận tiền công 3.000.000 đồng. Khi người mua đang kiểm tra ma túy thì H và N bị bắt quả tang, hai chất ma túy bị thu giữ có tổng khối lượng là 3.367,36 gam.

Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL 01 - 02), Biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định chất ma túy và niêm phong lại vật chứng (BL 59 - 61); Kết luận giám định số: 136/KL-KTHS ngày 05/02/2025 (BL 70) và Kết luận giám định số: 835 /KL-KTHS ngày 20/8/2025 (BL 76) của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên; Lời khai của bị cáo H tại cơ quan điều tra (BL 128-151, 225); Lời khai của bị cáo N tại cơ quan điều tra (BL 162-183, 227).

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: các bị cáo H và Lèng Văn N đã thực hiện hành vi mua bán trái phép 3.307,9 gam Methamphetamine và 59,46 gam Heroine. Tổng khối lượng hai chất ma túy là 3.367,36 gam nên đủ yếu tố cấu thành tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự quy

định tại điểm h khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cáo trạng số: 56/CT-VKSDB-P1 ngày 26/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố các bị cáo H và Lèng Văn N là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Xét về tính chất của vụ án thấy rằng đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo H là người trực tiếp thỏa thuận với S và trực tiếp thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, còn bị cáo N là người thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy cùng với bị cáo H với vai trò thứ yếu. Do vậy, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để quyết định hình phạt tương xứng, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi mà các bị cáo đã thực hiện.

Xét thấy hành vi mua bán trái phép 3.307,9 gam Methamphetamine và 59,46 gam Heroine của bị cáo H và bị cáo N đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội. Chính vì vậy, việc phát hiện và xử lý các bị cáo nghiêm khắc trước pháp luật là thực sự cần thiết, nó không những giúp các bị cáo thức tỉnh, làm lại cuộc đời mà còn là bài học cho những đối tượng đang có hành vi tương tự.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo H và Lèng Văn N không có tình tiết tăng nặng nào; Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[4] Về hình phạt chính:

Từ các phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo, lấy đây là bài học cảnh báo chung cho toàn xã hội, phục vụ công tác đấu tranh, ngăn ngừa các loại tội phạm trong tình hình hiện nay. Xét thấy bị cáo H là công dân nước CHDCND Lào, thiếu hiểu biết pháp luật Việt Nam, để thực hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Việt Nam thì đề nghị của Người bào chữa về hình phạt chính đối với bị cáo H là có căn cứ; Đề nghị của Kiểm sát viên, Người bào chữa về hình phạt chính đối với bị cáo Lèng Văn N là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 6 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ

có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, nghề nghiệp chính của các bị cáo trước khi bị bắt là làm nông nghiệp, thu nhập không ổn định, gia đình các bị cáo không có tài sản gì có giá trị. Xét đề nghị của Kiểm sát viên và Người bào chữa cho các bị cáo đều đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và tịch thu tài sản đối với các bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xử lý vật chứng của vụ án:

Áp dụng điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

Cần tịch thu, tiêu hủy: 39,96 gam Heroin và 2.684,21 gam Methamphetamine (khối lượng còn lại sau khi giám định); 01 túi vải màu xanh, loại có khóa, túi cũ, đã qua sử dụng là vật các bị cáo sử dụng vào hành vi phạm tội.

Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu VIETTEL, màu xanh, loại bàn phím, điện thoại cũ, đã qua sử dụng bị cáo H dùng để liên lạc, trao đổi việc mua bán ma túy với S nên cần tịch thu, sung ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu đen, màn hình cảm ứng điện thoại cũ, đã qua sử dụng (thu giữ của bị cáo H) và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG, màu xanh, màn hình cảm ứng, điện thoại cũ, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Viettel, màu đen, loại bàn phím, điện thoại cũ, đã qua sử dụng (thu giữ của bị cáo N) xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm:

Xét thấy bị cáo Lèng Văn N là dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa bị cáo xin được miễn án phí hình sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lèng Văn N; Buộc bị cáo H phải chịu 200.000 Việt Nam đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Các vấn đề khác:

Ngoài lần mua bán trái phép chất ma túy trên bị cáo H còn khai nhận: Vào khoảng tháng 9/2024, H đã mua 01 bánh ma túy hồng phiến và 05 túi ma túy Hồng phiến của một người đàn ông không quen biết ở bên Lào, giá 10.000.000 Việt Nam đồng một bánh Hồng phiến và 350.000 Việt Nam đồng một túi ma túy hồng phiến, sau đó mang bán cho Sùng A C, sinh năm 1982, trú tại Bản N, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên (nay là Bản N, xã N, tỉnh Điện Biên) với giá 15.000.000 Việt Nam đồng một bánh ma túy Hồng phiến và 400.000 Việt Nam đồng một túi ma túy Hồng phiến. Kết quả điều tra chưa có đủ chứng cứ để kết tội H ở lần này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Đối với người đàn ông tên S là người đã thuê bị cáo H mang ma túy sang Việt

Nam bán và người mua ma túy tên S1, người đàn ông đi cùng S1. Do bị cáo H không biết rõ nhân thân, lai lịch, Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, làm rõ, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Đối với hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất, nhập cảnh theo quy định của pháp luật của hai bị cáo H và Lềng Văn N. Căn cứ kết quả điều tra xác định hành vi của các bị cáo không đủ yếu tố cấu thành tội Vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh trái phép theo quy định tại Điều 347 Bộ luật hình sự. Ngày 05/01/2025, Đoàn Biên phòng Nà Hỳ đã lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định xử phạt hành chính đối với các bị cáo về hành vi trên theo quy định, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Bị cáo H khai nhận bị cáo mua sim rác không chính chủ có số thuê bao 0987.252.607 dùng để trao đổi mua bán ma túy. Cơ quan điều tra đã tiến hành tra cứu chủ của thuê bao trên là Thùng Thị Ngọc sinh ngày 05/02/2002 trú tại bản Nà Sự, xã Mường Chà, tỉnh Điện Biên, kết quả điều tra xác định Thùng Thị Ngọc đã đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ ngày 12/06/2024 đến nay chưa trở về địa phương, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, nếu có căn cứ đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên và Công an tỉnh Điện Biên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên và các Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm h khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

1. Về tội danh: tuyên bố các bị cáo H và Lềng Văn N đều phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm h khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 39 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Xử phạt bị cáo H tù Chung thân; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/01/2025.

- Áp dụng điểm h khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 39 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Xử phạt bị cáo Lềng Văn N tù Chung thân; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/01/2025.

3. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

*** Tịch thu tiêu hủy:**

- 01 (một) hộp niêm phong được làm bằng hộp bìa catton, sau đó dán kín xung quanh hộp bằng giấy màu trắng. Một mặt của hộp niêm phong có chữ viết tay: Mẫu vật hoàn lại theo kết luận giám định số: 835/KL-KTHS ngày 20/8/2025 của Phòng KTHS-CAT Điện Biên. Khối lượng: Loại Heroin 39,96 gam; loại Methamphetamine: 2.684,21 gam. Trên các mặt còn lại của hộp niêm phong có chữ ký, ghi rõ họ tên của: Nguyễn Thúy Mai, Vàng A Chừ và các hình dấu của Phòng KTHS – Công an tỉnh Điện Biên. Các mặt của hộp niêm phong được dán băng dính trong suốt; 01 túi vải màu xanh, loại có khóa, túi cũ, đã qua sử dụng.

*** Tịch thu sung ngân sách nhà nước:** 01 điện thoại di động, nhãn hiệu VIETTEL, màu xanh, loại bàn phím, điện thoại cũ, đã qua sử dụng;

*** Trả lại cho bị cáo H:** 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu đen, màn hình cảm ứng điện thoại cũ, đã qua sử dụng;

- Trả lại cho bị cáo Lèng Văn N: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG, màu xanh, màn hình cảm ứng, điện thoại cũ, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Viettel, màu đen, loại bàn phím, điện thoại cũ, đã qua sử dụng

(Vật chứng đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên chuyển cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên vào ngày 26/8/2025).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, Khu vực II, Khu vực I thuộc đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2025: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lèng Văn N. Buộc bị cáo H phải chịu 200.000 Việt Nam đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

Các bị cáo H và Lèng Văn N có quyền kháng cáo bản án lên Tòa phúc thẩm, Tòa án nhân dân Tối cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/9/2025).

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I (TAND Tối cao);
- Tòa phúc thẩm TAND Tối cao;
- Viện công tố và KSXXPT - VKSND tối cao;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Các Bị cáo;
- Người bào chữa;
- TTG Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã (T/B);
- Lưu: HSVA; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Thu Hằng